

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN
DÂN TỐI CAO-BỘ VĂN
HÓA - THÔNG TIN-TOÀ
ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Số: 01/2001/TANDTC-
VKSNDTC-BVHTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2001

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền tác giả tại Toà án nhân dân

Để áp dụng đúng và thống nhất các quy định của Bộ luật Dân sự trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền tác giả tại Toà án nhân dân; Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Văn hoá- Thông tin thống nhất hướng dẫn một số điểm như sau:

I. THẨM QUYỀN CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TÁC GIẢ

1. Các tranh chấp liên quan đến quyền tác giả thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án nhân dân.

Theo quy định tại Điều 759 Bộ luật Dân sự (sau đây viết tắt là BLDS), Điều 33 Nghị định số 76/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ "hướng dẫn thi hành một số quy định quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự" (sau đây viết tắt là ND 76/CP) và Điều 10 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự (sau đây viết tắt là PLTTGQCVDS), Toà án nhân dân có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp sau đây liên quan đến quyền tác giả:

1.1. Các tranh chấp về quyền tác giả đối với tác phẩm (tranh chấp ai là người trực tiếp sáng tạo toàn bộ hoặc một phần tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học...) giữa:

- a) Cá nhân với cá nhân; cá nhân với tổ chức; tổ chức với tổ chức;
- b) Các đồng tác giả với nhau; một hoặc các đồng tác giả với cá nhân, tổ chức khác;

1.2. Các tranh chấp về quyền tác giả đối với phần mềm máy tính giữa người cung cấp tài chính hoặc các điều kiện vật chất có tính quyết định cho việc xây dựng, phát triển phần mềm máy tính với người thiết kế, xây dựng phần mềm máy tính.

1.3. Các tranh chấp về các quyền nhân thân hoặc các quyền tài sản liên quan đến quyền tác giả giữa:

a) Tác giả (đồng tác giả) không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm với chủ sở hữu tác phẩm không đồng thời là tác giả (theo quan hệ giao nhiệm vụ hoặc theo hợp đồng sáng tạo tác phẩm);

b) Tác giả (đồng tác giả) hoặc chủ sở hữu tác phẩm với người dịch, phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể hoặc với người sử dụng tác phẩm dịch, phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể để sáng tạo tác phẩm mới;

c) Tác giả (đồng tác giả) hoặc chủ sở hữu tác phẩm đã công bố với người sưu tầm tác phẩm đó để làm tuyển tập, hợp tuyển;

d) Tác giả (đồng tác giả) hoặc chủ sở hữu tác phẩm với tổ chức điện ảnh, phát thanh, truyền hình sân khấu hoặc các tổ chức biểu diễn các loại hình nghệ thuật khác;

đ) Tác giả (đồng tác giả) hoặc chủ sở hữu tác phẩm với người sử dụng tác phẩm đó để biểu diễn;

e) Tác giả (đồng tác giả) hoặc chủ sở hữu tác phẩm với tổ chức, cá nhân sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình;

f) Tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm, chủ sở hữu tác phẩm không đồng thời là tác giả với tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm của họ nhằm mục đích kinh doanh;

g) Tổ chức sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình (có chương trình) với tổ chức, cá nhân khác về việc nhân bản, phát hành sản phẩm;

h) Tổ chức phát thanh, truyền hình với tổ chức, cá nhân khác về việc phát sóng \chương trình hoặc làm các bản sao chương trình;

i) Người biểu diễn với cá nhân, tổ chức;

1.4. Các tranh chấp về hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc tranh chấp về hợp đồng dịch vụ bản quyền tác giả .

1.5. Các tranh chấp về thừa kế quyền tác giả.

1.6. Các tranh chấp khác liên quan đến quyền tác giả.

2. Về thẩm quyền của toà án nhân dân giải quyết các tranh chấp có liên quan đến quyền tác giả theo thủ tục sơ thẩm.

Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả đã hết hiệu lực kể từ ngày 1/7/1996 (ngày BLDS có hiệu lực). BLDS không quy định về thẩm quyền của Toà án nhân dân các cấp trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền tác giả; do đó, việc xác định thẩm quyền của Toà án nhân dân giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền tác giả theo thủ tục sơ thẩm phải căn cứ vào PLTTGQCVADS. Tuy nhiên, các tranh chấp liên quan đến quyền tác giả là những loại việc rất phức tạp. Vì vậy, ngoài các vụ án về các tranh chấp liên quan đến quyền tác giả thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 PLTTGQCVADS, đối với các vụ án khác về tranh chấp liên quan đến quyền tác giả, thì Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 11 PLTTGQCVADS lấy lên để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

II. QUYỀN KHỞI KIẾN, KHỞI TỐ VỤ ÁN VỀ TRANH CHẤP LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TÁC GIẢ

1. Quyền khởi kiện vụ án về tranh chấp liên quan đến quyền tác giả.

Theo quy định của BLDS thì những cá nhân, tổ chức sau đây có quyền khởi kiện vụ án tại Toà án nhân dân có thẩm quyền để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến quyền tác giả:

- a. Tác giả;
- b. Chủ sở hữu tác phẩm;
- c. Người thừa kế hợp pháp của tác giả hoặc của chủ sở hữu tác phẩm;
- d. Cá nhân, tổ chức được chuyển giao quyền của chủ sở hữu tác phẩm;
- e. Cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm theo hợp đồng;
- f. Người biểu diễn;
- g. Nhà xuất bản, tổ chức sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình;
- h. Tổ chức phát thanh, truyền hình;

i. Cá nhân và tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền khởi tố vụ án về tranh chấp liên quan đến quyền tác giả.

Đối với các vi phạm quyền tác giả đã thuộc Nhà nước thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Viện kiểm sát cấp tỉnh) có quyền khởi tố vụ án.

Cục Bản quyền tác giả (Bộ Văn hoá - Thông tin), Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi phát hiện các vi phạm quyền tác giả đã thuộc Nhà nước thì phải đề nghị với Viện kiểm sát cấp tỉnh xem xét việc khởi tố vụ án nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước.

3. Điều kiện khởi kiện, khởi tố vụ án về tranh chấp liên quan đến quyền tác giả.

3.1. Theo quy định tại Điều 754 BLDS quyền tác giả phát sinh kể từ thời điểm tác phẩm được sáng tạo dưới hình thức nhất định (không phân biệt tác phẩm đã được công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký, không phân biệt ngôn ngữ thể hiện, chất lượng của tác phẩm...); do đó, khi có tranh chấp liên quan đến quyền tác giả mà đương sự khởi kiện yêu cầu Toà án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ, thì Toà án không phân biệt việc họ đã có giấy chứng nhận bản quyền tác giả hay chưa, họ đã nộp đơn hay chưa nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm.

3.2. Các quyền của tác giả, các quyền của chủ sở hữu tác phẩm không đồng thời là tác giả, quyền của tổ chức sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình, quyền của tổ chức phát thanh, truyền hình được bảo hộ trong thời hạn theo quy định tại Điều 766 BLDS. Quá thời hạn bảo hộ, các chủ thể nói trên không còn được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, trừ các quyền nhân thân của tác giả theo quy định tại các điểm a, b và đ khoản 2 Điều 751, khoản 1 Điều 752 BLDS; do đó, Toà án chỉ thụ lý đơn khởi kiện để giải quyết nếu các quyền đó vẫn còn trong thời hạn bảo hộ.

3.3. Theo quy định của PLTTGQCVADS thì khi khởi kiện đến Toà án, người khởi kiện có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Chứng cứ có thể là: giấy chứng nhận bản quyền của tác giả do Cục Bản quyền tác giả (Bộ

văn hoá - Thông tin) cấp; văn bản xác nhận của Cục Bản quyền tác giả hoặc Sở Văn hoá - Thông tin về việc người khởi kiện đã nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm đối với tác phẩm chưa được công bố hoặc các văn bản xác nhận của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp (hoạt động trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học) đối với các tác phẩm chưa đăng ký để làm căn cứ chứng minh họ là tác giả, đồng tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm và tác phẩm của họ thuộc loại hình tác phẩm được Nhà nước bảo hộ...

Trong trường hợp cần thiết Toà án có thể thu thập thêm chứng cứ, quyết định trưng cầu giám định của các cơ quan chuyên môn theo yêu cầu của các đương sự nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được chính xác. Người có yêu cầu Toà án quyết định việc trưng cầu giám định phải làm đơn, nêu rõ lý do và phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

3.4. Tác giả có quyền được hưởng nhuận bút, thù lao và các quyền lợi vật chất khác (nếu có) khi tác phẩm được sử dụng, quyền được nhận giải thưởng đối với tác phẩm mà mình là tác giả (trừ trường hợp tác phẩm không được Nhà nước bảo hộ); do đó, chỉ được có tác giả (các đồng tác giả), người thừa kế hợp pháp của tác giả hoặc người được uỷ quyền hợp pháp mới có quyền yêu cầu Toà án bảo vệ khi các quyền này bị xâm phạm. Trong trường hợp tác giả (đồng tác giả) chết mà các quyền này thuộc về Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 764 và Điều 765 BLDS, thì Nhà nước là chủ sở hữu các quyền đó. Nếu Nhà nước có văn bản uỷ quyền cho một cơ quan, tổ chức cụ thể nhân danh Nhà nước bảo vệ lợi ích của Nhà nước khi các quyền này bị xâm phạm thì cơ quan, tổ chức được uỷ quyền có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án bảo vệ lợi ích của Nhà nước. Nếu Nhà nước không có văn bản nào quy định thì Viện kiểm sát cấp tỉnh có quyền tự mình hoặc theo đề nghị của Cục Bản quyền tác giả (Bộ Văn hoá - Thông tin), Sở Văn hoá - Thông tin, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp (hoạt động trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học) khởi tố vụ án để yêu cầu Toà án bảo vệ lợi ích của Nhà nước.

III. VIỆC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỂ GIẢI QUYẾT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ